

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01** /2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày **04** tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt việc thay đổi quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong
kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020
sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong
kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số
06/BC-HĐND ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt việc thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án
trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình (có Danh mục
chi tiết kèm theo).**

Chữ ký



Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan rà soát đảm bảo chính xác về: Tên dự án, địa điểm, diện tích, đúng quy hoạch, đúng mục đích sử dụng đất, đúng quy trình và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan trước khi tổ chức thực hiện.

2. Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có liên quan hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 04 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính, Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



Nguyễn Tiến Thành



DANH MỤC DỰ ÁN CỎ THAY ĐỔI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ CUỐI (2016-2021) TỈNH THAI BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Loại đất	Dự án đề nghị cập nhật, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất					Dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất					Ghi chú (về danh mục dự án bổ sung quy hoạch)
		Tổng diện tích (ha)	Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích (ha)	Tên dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	
I	Đất giao thông	42,50					42,50					
		37,00	Huyện Hưng Hà				37,00	Huyện Hưng Hà				Văn bản số 6019/UBND-NNTNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh
			Đường trục huyện từ thị trấn Hưng Nhân đến thị trấn Hưng Hà (đường Long Hưng)	37,00		TT Hưng Hà, Thái Phương, Phúc Khánh, Liên Hiệp, TT Hưng Nhân		Đầu tư xây dựng tuyến đường nối thành phố Thái Bình với đường Thái Bình Hà Nam	29,00		Chi Hòa, Hồng Lĩnh, Văn Lang, Kim Trung, TT Hưng Hà	
		5,50	Huyện Tiên Hải				5,50	Huyện Tiên Hải				
			Dự án bến xe Cồn Vành	5,50	thôn Hợp Phố	Nam Phú		Đầu tư xây dựng tuyến đường liên tỉnh nối vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội đoạn trên địa bàn tỉnh Thái Bình với QL.38B tỉnh Hưng Yên và cầu La Tiến	8,00		Thống Nhất, Đoàn Hùng, Hồng Dũng, Diệp Nông	
		5,50	Dự án bến xe Cồn Vành	5,50	thôn Hợp Phố	Nam Phú	5,50	Công trình giao thông	0,80		Đông Trung	
								Công trình giao thông	0,60		Tây Phong	
		5,50	Dự án bến xe Cồn Vành	5,50	thôn Hợp Phố	Nam Phú	5,50	Công trình giao thông	0,80		Tây Tiến	
								Công trình giao thông	0,80		Vũ Lăng	
		5,50	Dự án bến xe Cồn Vành	5,50	thôn Hợp Phố	Nam Phú	5,50	Công trình giao thông	0,70		Tây Ninh	
								Công trình giao thông	0,50		Phương Công	
		5,50	Dự án bến xe Cồn Vành	5,50	thôn Hợp Phố	Nam Phú	5,50	Công trình giao thông	0,50		Đông Hoàng	
								Công trình giao thông	0,80		Đông Phong	
II	Đất quốc phòng	4,46					4,46					
		0,96	Huyện Tiên Hải				4,46	Huyện Tiên Hải				Văn bản số 5598/UBND-NNTNMT ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh
			Công trình quốc phòng - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên Phòng (Đồn biên phòng Cửa Lán)	0,51	thôn Hoàng Môn	Nam Cường		Công trình quốc phòng	0,04	thôn Hoàng Môn	Nam Cường	
		0,96	Cổng trình quốc phòng - Bộ Tư lệnh Quân khu 3 (Trận địa pháo)	0,45	thôn Hoàng Môn	Nam Cường	4,46	Công trình quốc phòng	0,04	thôn Hoàng Môn	Nam Cường	
								Công trình quốc phòng	0,04	thôn Hoàng Môn	Nam Cường	
		3,50	Đồn biên phòng cửa khẩu cảng Diêm Điền	3,50	Tổ dân phố Mai Diêm	TT Diêm Điền	4,46	Công trình quốc phòng	0,48	thôn Hoàng Môn	Nam Cường	
								Công trình quốc phòng	0,15	thôn Nho Lâm	Đông Lâm	
		3,50	Đồn biên phòng cửa khẩu cảng Diêm Điền	3,50	Tổ dân phố Mai Diêm	TT Diêm Điền	4,46	Công trình quốc phòng	3,71		Nam Phú	Văn bản số 76/UBND-NNTNMT ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh



Dự án đề nghị cấp nhật, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất

Dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Tổng diện tích (ha)	Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (xứ đồng, thôn, khu dân cư, tổ dân phố)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích (ha)	Tên dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (xứ đồng, thôn, khu dân cư, tổ dân phố)	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Ghi chú (về danh mục dự án bổ sung quy hoạch)
III	Đất cơ sở tôn giáo	10,10					1,10					
		1,10	Huyện Tiền Hải				1,10	Huyện Tiền Hải				
			Mở rộng chùa Trúc	1,10	thôn Trình Trung Tây	An Ninh		Xây dựng chùa Nam Hà	0,50	thôn Đông Hào	Nam Hà	
								Giáo Xứ Nam Biển	0,32	thôn Hải Ngoại	Nam Trung	
								Họ giáo Minh Nghĩa	0,28	thôn Tam Bảo	Nam Hồng	
IV	Đất ở tại nông thôn	10,74					10,74					
		9,94	Huyện Thái Thụy				9,94	Huyện Thái Thụy				
			Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	9,94	thôn An Ninh	Thụy Bình		QH khép kín khu dân cư	1,44	thôn Bắc Thuận	Hồng Dũng	
								QH khép kín khu dân cư	1,50	thôn Tu trính, Vạn Đồn, Lưu Đồn	Hồng Dũng	
								QH khu dân cư	0,45	thôn Thái Xuyên xãm canh thôn Đoàn Kết	Mỹ Lộc	
								QH khép kín khu dân cư	1,85	thôn Vũ Biền, Cao Mỹ Cổ Lũng, Hải Ninh	Mỹ Lộc	
								QH khép kín khu dân cư	1,37	thôn Lê Thần Đông, Lê Thần Nam, Vũ Công	Hòa An	
								QH khép kín khu dân cư	1,60	thôn Đông Hưng	Sơn Hà	
								QH khu dân cư	1,23	Đường ra chợ Gạch, Hồng Thái, Minh Thành, Nghĩa Hưng, Thái Học xãm canh	Tân Học	
								QH khu dân cư	0,50	thôn Văn	Thụy Ninh	
		0,80	Huyện Vũ Thư				0,80	Huyện Vũ Thư				
			Quy hoạch dân cư	0,80	thôn Quyết Thắng	Hòa Bình		Quy hoạch dân cư	0,8	thôn La Uyển	Minh Quang	
V	Đất ở tại đô thị	2,55					2,55					
		2,55	Huyện Vũ Thư				2,55	Huyện Vũ Thư				
			Quy hoạch dân cư	2,55	tổ dân phố Hàng Tiên	thị trấn Vũ Thư		Quy hoạch dân cư	0,16	khu Trung Hưng 2,3	thị trấn Vũ Thư	
								Quy hoạch dân cư	1,5	khu Rộc Thảm	thị trấn Vũ Thư	
								Quy hoạch dân cư	0,89		thị trấn Vũ Thư	

Văn bản số 2944/UBND-KTXD ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh

Văn bản số 697/UBND-NNTNMT ngày 01/3/2021 (diện tích thuộc địa giới hành chính xã Hòa Bình là đất ở tại nông thôn; diện tích thuộc địa giới hành chính thị trấn Vũ Thư là đất ở tại đô thị)

Handwritten signature